

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2024

"Về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

- Các hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Thị Hiền** và bà **Vũ Thị Thủy**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Mừng** - Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31 /2024/QĐXX ngày 28/11/2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐ-HPT ngày 10 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kiều O**, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số nhà A, Tổ A, Khu G phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Anh **Trần Duy L**, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chị O vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ 2 và không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị **Nguyễn Kiều O** trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Trần Duy L sau khi được tự do tìm hiểu nhau một thời gian, anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/3/2014 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh L tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương, vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, có nhiều bất đồng về quan điểm, lối sống nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, bản thân anh L không chịu chia sẻ công việc với chị, không chịu tu chí làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình, không làm tròn trách nhiệm người cha, thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, trong suốt thời gian kể từ khi kết hôn, chị và gia đình nhiều lần phải trả nợ thay cho anh L nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh L lại quay lại con đường chơi bời nợ nần. Từ đó, khiến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên và kéo dài nhiều ngày tháng, việc chơi bời của anh L làm ảnh hưởng đến danh dự của bố mẹ hai bên. Nhiều lần chị đã công khai tuyên bố nếu anh L không thay đổi chị sẽ ly hôn nhưng anh L không quan tâm điều chị nói, vì thương các con và thương bố mẹ hai bên khuyên giải nên chị tạo cơ hội cho anh L nhiều lần nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng, anh L thường xuyên vắng nhà bỏ đi chơi qua đêm nên chị đã nhiều lần phải đưa các con về nhà bố mẹ ở tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để ở nhưng lần gần nhất từ đầu năm 2024 cho đến nay chị không quay về gia đình anh L nữa, không liên lạc gì với anh L. Nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được, không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

2. Về quan hệ con chung: Chị O xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc L1, sinh ngày 18/7/2014 và Trần Tuấn L2, sinh ngày 28/9/2016, các con chung đều do chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị vì thực tế kể từ khi sinh các con cho đến nay anh L không quan tâm, trách nhiệm gì với các con một mình chị chăm sóc, chị đã và đang có công việc làm (cửa hàng trường tại Siêu thị W), có mức thu nhập ổn định. Ngoài ra, chị còn bán hàng Online có mức thu nhập trung bình mỗi tháng tổng số tiền từ 15 đến 20 triệu đồng, chị khẳng định với mức thu nhập nêu trên đảm bảo cuộc sống tốt cho 3 mẹ con chị. Ngoài ra, chị có bố mẹ đẻ hỗ trợ, giúp đỡ hàng ngày đưa đón các con đi học và có chỗ ở rộng rãi cho mẹ con chị, không có ai khác ở cùng nhà nên mẹ con chị rất thuận lợi về mọi mặt, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị O xác định vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị O đề nghị Tòa án giải quyết về án phí theo pháp luật quy định. Ngoài các nội dung chị đã trình bày ở trên, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nội dung gì khác.

\* Bị đơn (anh Trần Duy L) vắng mặt tại trụ sở Tòa án trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

\* Tại lời khai của người làm chứng (Ông Trần Quốc K và bà Đặng Thị H) trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh L, sinh sống cùng địa chỉ với anh L trình bày trước sự chứng kiến của ông Lê Văn T - trưởng khu dân cư, như sau: Anh L và chị O là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương, được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị L-O chung sống cùng nhà với ông bà được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống và suy nghĩ của vợ chồng không hợp nhau. Ngoài ra, do anh L không tu chí làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà đua đòi bạn bè mãi chơi bời dẫn đến nợ nần khiến vợ chồng thường xảy cãi nhau, làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tình cảm vợ chồng. Khi biết mâu thuẫn của anh chị, ông bà đã khuyên giải, động viên các con cùng nhau khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không hòa hợp được, chị O đưa các con về nhà ngoại ở, còn anh L đi làm ăn xa, sống ly thân nhau mỗi người một nơi và không có trách nhiệm gì với nhau. Về con chung: Anh L, chị O có 02 con chung là Trần Ngọc L1, sinh ngày 18/7/2014 và Trần Tuấn L2, sinh ngày 28/9/2016, hiện nay chị O đang chăm sóc các con. Nay, chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con, ông bà hoàn toàn đồng ý với quan điểm của chị O. Bởi, thực tế các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc, giáo dục, dạy dỗ của bố hoặc mẹ nhưng anh L đi đâu, làm gì ông bà không biết, không có mặt tại gia đình nên chị O chăm sóc nuôi dưỡng các con là phù hợp, ông bà đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho chị O nuôi dưỡng là đảm bảo cuộc sống cho các cháu của ông bà. Về tài sản chung: Ông K, bà H xác định vợ chồng anh L, chị O không có tài sản chung là nhà đất tại Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương, không nợ chung ai và không ai nợ chung vợ chồng, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên. Ngoài ra, ông bà xác định Tòa án có gửi các văn bản tố tụng cho anh L nhiều lần về gia đình ông, bà đều nhận và thông báo, giao lại cho anh L, anh L có nhờ ông bà thông tin lại với Tòa án: Anh xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, đã sống

ly thân, nay chị O đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh L hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị O và đề nghị Tòa án giao cả 2 con cho chị O được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh không tranh chấp gì, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị O, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị O, cho phép anh được vắng mặt tại Trụ sở Tòa án trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh chấp hành bản án của Tòa án. Ngoài ra, không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*\* Tại biên bản xác minh Công an thị trấn C, huyện C cung cấp thông tin:* Tại cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện anh Trần Duy L, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Qua theo dõi công dân tại địa bàn thị trấn C thì anh L có sinh sống tại khu dân cư nhưng ít khi có mặt ở gia đình, anh L đi đâu làm gì Công an thị trấn không nắm được, không trình báo về việc tạm vắng, thi thoảng anh L có xuất hiện tại địa phương, anh L có đăng ký hộ khẩu và quan hệ với chị Nguyễn Kiều O là vợ chồng.

*\* Tại biên bản xác minh tại Khu dân cư và UBND thị trấn C, huyện C cung cấp thông tin:* Chị Nguyễn Kiều O và anh Trần Duy L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2014 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Hải Dương, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không chịu làm ăn, mãi chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến tình cảm vợ chồng dần nứt, không hạnh phúc và sống ly thân nhau mỗi người một nơi, chị O đưa các con về nhà bố mẹ để ở thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để sinh sống, anh L đi làm ăn ở đâu địa chỉ cụ thể nào địa phương không biết. Tuy nhiên, xác định anh L là công dân của Khu I, huyện C, tỉnh Hải Dương, thi thoảng có về gia đình ông K, bà H. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án có gửi giấy triệu tập nhiều lần về gia đình yêu cầu anh L có mặt tại Trụ sở Tòa án và trụ sở UBND thị trấn C nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. UBND thị trấn C đề nghị Tòa án căn cứ các qui định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo vệ người phụ nữ yếu mền. Về con chung: Vợ chồng chị O và anh L có 02 con chung Trần Ngọc L1, sinh ngày 18/7/2014 và Trần Tuấn L2, sinh ngày 28/9/2016, chị O đang nuôi dưỡng, đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế để giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải đảm bảo cuộc sống tốt cho các cháu, tránh làm đảo lộn việc học tập và cuộc sống của các cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Ngoài ra, chính quyền địa phương không nắm được gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

**Tại phiên tòa,** chị O vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, chị O giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh L, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Kiều O, cho chị O được ly hôn với anh Trần Duy L. Giao cho chị Nguyễn Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con là Trần Ngọc L1, sinh ngày 18/7/2014 và Trần Tuấn L2, sinh ngày 28/9/2016, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị; Về án phí: Chị O phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Duy L hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị O có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Nguyễn Kiều O và anh Trần Duy L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, xác định quan hệ của chị O và anh L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, lối sống dẫn đến trong cuộc sống hàng ngày không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, căn cứ vào kết quả xác minh xác định anh L không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, không chia sẻ và chịu khó làm ăn phát triển kinh tế gia đình cùng chị O, mâu thuẫn vợ chồng được bố mẹ hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng chị O và anh L không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng và sống ly thân mỗi người một nơi. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị O và anh L không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị O được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định chị O và anh L có 02 con chung là Trần Ngọc L1, sinh ngày 18/7/2014 và Trần Tuấn L2, sinh ngày 28/9/2016. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị O là người đang nuôi dưỡng cả hai con, các con đều phát triển trí tuệ hoàn toàn bình thường, được đi học đúng độ tuổi theo quy định. Nay, chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị tiếp tục được nuôi dưỡng các con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của chị O. Hiện nay anh L không có mặt tại địa phương, làm việc và sinh sống ở đâu bố mẹ của anh L cũng không biết; đồng thời, ông K và bà H là bố mẹ đẻ của anh L đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, chị O có bố mẹ đẻ hỗ trợ đưa đón các con đi học hàng ngày nên xét việc giao các con cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp

luật và đảm bảo cuộc sống, quyền lợi về mọi mặt của các con. Việc chị O tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị. HĐXX thấy, chị O có công việc làm (cửa hàng trưởng tại Siêu thị W), có thu nhập ổn định. Ngoài ra, chị còn bán hàng Online có mức thu nhập trung bình mỗi tháng từ 15 đến 20 triệu đồng, với mức thu nhập như vậy là đảm bảo cuộc sống tốt cho mẹ con chị O nên sự tự nguyện của chị O phù hợp pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình:* Chị O xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Kiều O phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ** Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Kiều O được ly hôn anh Trần Duy L.

2. *Về con chung:* Xử giao con là Trần Ngọc L1, sinh ngày 18/7/2014 và Trần Tuấn L2, sinh ngày 28/9/2016 cho chị Nguyễn Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Kiều O về việc không yêu cầu anh Trần Duy L phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị O.

*Anh Trần Duy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.*

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Kiều O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0007240 ngày 01/10/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, chị O đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn (chị O) và bị đơn (anh L) đều vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi Cục thi hành án DS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (Kết hôn ngày 12/3/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Tố Uyên**